TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/02/2023
V/*v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thành;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15/02/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022, về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐXX-ST ngày 22/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Lan A, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Lan A trình bày: Ngày 18/5/2015, chị và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế gia đình. Cũng trong năm 2017, anh L đi lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Hiện chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại X, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống.

Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L để mỗi người có cuộc sống mới.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Đoàn Tuấn X, sinh ngày 27/02/2016. Hiện con đang ở với chị, vẫn phát triển bình

thường. Nay vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Vì hiện nay thu nhập của chị khoảng 8 đến 9000.000đ/1 tháng và mẹ con chị đang ở với bố mẹ đẻ ở thôn X, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có gì vướng mắc nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Ngày 10/10/2022 và ngày 22/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang là cha đẻ của anh Nguyễn Văn L để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Đ thông báo cho anh L biết về việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ án, yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Ông Đ cung cấp cho Toà án là anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án, vì anh L không nói cho ông và gia đình ông được biết nhưng ông đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ án, anh L nói với ông là đồng ý ly hôn với chị Lan A. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ ý kiến, quan điểm nào của anh L gửi về cho Toà án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Lan A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn; biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Đ và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Đoàn Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh L.

Căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX tiến hành xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L là đúng quy định và đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 15, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Lan A.

Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Lan A được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đoàn Tuấn X, sinh ngày 27/02/2016 cho chị Đoàn Thị Lan A là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị Lan A không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh

Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị Lan A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị Lan A.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang là cha đẻ của anh Nguyễn Văn L để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Đ thông báo cho anh L biết về việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ án, yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Tuy nhiên, ông Đ cung cấp và vẫn giữ nguyên quan điểm là anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án, vì anh L không nói cho ông và gia đình ông được biết nhưng ông đã thông báo cho anh L biết về việc Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ án, anh L nói với ông là đồng ý ly hôn với chị Lan A. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ ý kiến, quan điểm nào của anh L gửi về cho Toà án.

Căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đoàn Thị Lan A là nguyên đơn có đơn xin ly anh Nguyễn Văn L, hiện anh L đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 25944/QLXNC-P5 ngày 30/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, thì anh L đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần gần nhất là ngày 08/02/2020 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh L là thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18/5/2015, chị Đoàn Thị Lan A và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế gia đình. Cũng trong năm 2017, anh L đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay.

Hiện chị Đoàn Thị Lan A đã về nhà bố mẹ đẻ tại X, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về

đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Lan A và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Đoàn Thị Lan A và anh Nguyễn Văn L có một con chung là Nguyễn Đoàn Tuấn X, sinh ngày 27/02/2016. Hiện con đang ở với chị, vẫn phát triển bình thường. Nay vợ chồng ly hôn, chị Lan A có nguyện vọng được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Hiện nay anh L đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nay vợ chồng ly hôn, để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống, học tập và để không bị ảnh hưởng về mặt tâm lý của con nên căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX giao con chung là Nguyễn Đoàn Tuấn X, sinh ngày 27/02/2016 cho chị Đoàn Thị Lan A là người trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Đoàn Thị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 4, Điều 271, Điều 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Đoàn Thị Lan A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Đoàn Tuấn X, sinh ngày 27/02/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Lan A phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án chị Lan A đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000621 ngày 06/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đoàn Thị Lan A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đoàn Thị Lan A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơinhận**:*
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã P, L,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Nâu